UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1243 /BC-SNN

Cà Mau, ngày 01 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO
Công tác điều hành ngân sách địa phương, quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp, việc mua sắm tài sản phục vụ cho hoạt động của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp

Thực hiện Kế hoạch số 14/KH-ĐGS ngày 14/9/2021 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về Giám sát điều hành ngân sách địa phương; quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp; việc mua sắm tài sản phục vụ cho hoạt động của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo đề cương giám sát từ năm 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021, cụ thể như sau:

A. Đánh giá chung

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn, phòng chống thiên tai, chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối, các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đơn vị dự toán cấp I có tổng số 19 đơn vị thuộc và trực thuộc (gồm 07 đơn vị hành chính và 12 đơn vị sự nghiệp). Trong đó:

- Đơn vị thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ, gồm 07 đơn vị: *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Chi cục: Kiểm lâm; Thuỷ sản; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chăn nuôi và Thú y; Thủy lợi; Phát triển nông thôn*

- Đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ, gồm 12 đơn vị: *Các Ban Quản lý rừng phòng hộ: Tam Giang; Kiến Vàng; Đất Mũi; Biển Tây; Đầm Dơi; Ban Quản lý các cảng cá; các Trung tâm: Quản lý khai thác công trình thuỷ lợi; Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Khuyến nông; Giống nông nghiệp; 02 đơn vị trực thuộc Chi cục: Trung tâm Đăng kiểm tàu cá trực thuộc Chi cục Thuỷ sản; Hạt Quản lý đê điều trực thuộc Chi cục Thuỷ lợi.*

- Tổng số giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, định nức số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP tính đến thời điểm 31/8/2021 trong toàn ngành là **1.297** người, gồm:

+ Biên chế công chức: 220 người

+ Số lượng người làm việc: 776 người

+ Định mức số lượng người làm việc (đơn vị tự cân đối): 112 người

+ Hợp đồng Nghị định 161/2018/NĐ-CP: 189 người

- Tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc, định nức số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP có mặt tính đến thời điểm 31/8/2021 trong toàn ngành là **1.142** người, gồm:

+ Biên chế công chức có mặt: 188/220 người (khuyết 32 chỉ tiêu)

+ Số lượng người làm việc có mặt: 639/776 người (khuyết 137 chỉ tiêu)

+ Định mức số lượng người làm việc (đơn vị tự cân đối): 85/112 người (khuyết 27 chỉ tiêu)

+ Hợp đồng Nghị định 161/2018/NĐ-CP: 178/189 người (khuyết 11 chỉ tiêu)

Năm 2021 là năm cuối của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020 kéo dài đến hết năm 2021. Trong 6 tháng đầu năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài và diễn biến hết sức phức tạp trên toàn tỉnh, làm ảnh hưởng đến tiến độ công tác điều hành quản lý ngân sách của ngành. Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, cùng với sự lãnh đạo kỳ quyết Ban Giám đốc Sở, sự nỗ lực của lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo các phòng chuyên môn và toàn thể công chức, viên chức và người lao động toàn ngành, góp phần quan trọng vào việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách hàng năm.

B. Kết quả thực hiện

I. Công tác điều hành, quản lý, sử dụng ngân sách

1. Công tác triển khai thực hiện các văn bản về quản lý, điều hành và sử dụng ngân sách

Các văn bản của Bộ Tài chính, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh liên quan đến việc quản lý, điều hành dự toán ngân sách từ năm 2019 đến nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai cho các đơn vị trực thuộc nắm và thực hiện theo quy định, cụ thể:

- Năm 2019: Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2019; Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2019 cho các đơn vị hành chính sự nghiệp cấp tỉnh. Hướng

dẫn số 04/HD-STC ngày 28/12/2018 của Sở Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2019.

- Năm 2020: Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2020; Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2020 cho các đơn vị hành chính sự nghiệp cấp tỉnh; Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu phí, lệ phí và chi từ nguồn thu phí được để lại cho các cơ quan, đơn vị năm 2020. Hướng dẫn số 02/HD-STC ngày 30/12/2019 của Sở Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2020.

- 6 tháng đầu năm 2021: Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2021; Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2021 cho các đơn vị hành chính sự nghiệp cấp tỉnh Quyết định số 2382/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu phí, lệ phí và chi từ nguồn thu phí được để lại cho các cơ quan, đơn vị năm 2021; Hướng dẫn số 03/HD-STC ngày 30/12/2020 của Sở Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2021.

2. Dự toán được giao:

Trên cơ sở Quyết định giao dự toán thu – chi ngân sách hàng năm của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thông báo giao dự toán chi ngân sách của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định phân bổ dự toán lại cho các đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo theo đúng thời gian quy định, cụ thể:

- Tổng các nguồn vốn sự nghiệp từ năm 2019 đến tháng 6 năm 2021:

- Tổng kinh phí được giao: 1.182,7 tỷ đồng

- Tổng kinh phí phân bổ lại cho đơn vị: 1.181 nghìn đồng

Trong đó:

a) Kinh phí được giao (theo Quyết định giao dự toán của UBND tỉnh, Thông báo giao dự toán của Sở Tài chính):

TT	Nội dung	Kinh phí được giao (nghìn đồng)	Ghi chú

I	**Năm 2019**	**410.387.595**	
1	Kinh phí phân bổ đầu năm	358.098.039	
2	Kinh phí bổ sung trong năm	31.109.900	
3	Kinh phí năm trước chuyển sang	21.179.656	
I	**Năm 2020**	**446.076.311**	
1	Kinh phí phân bổ đầu năm	312.229.150	Sở Tài chính giữ lại cấp 0: 389.475 nghìn đồng
2	Kinh phí bổ sung trong năm	82.386.740	
3	Kinh phí năm trước chuyển sang	51.460.221	
I	**6 tháng đầu năm 2021**	**326.259.942**	
1	Kinh phí phân bổ đầu năm	317.910.825	Sở Tài chính giữ lại cấp 0: 1.523.741 nghìn đồng
2	Kinh phí bổ sung trong năm	3.106.282	
3	Kinh phí năm trước chuyển sang	5.242.836	
	Tổng cộng	**1.182.723.848**	

(đính kèm phụ biểu số 03 – chi tiết số liệu từng đơn vị)

b) Kinh phí phân bổ cho đơn vị (Sở Nông nghiệp và PTNT phân bổ lại cho đơn vị trực thuộc theo Thẩm định dự toán chi tiết của Sở Tài chính):

TT	Nội dung	Kinh phí phân bổ cho đơn vị (nghìn đồng)	Ghi chú
I	**Năm 2019**	**410.387.595**	
1	Chi lương, các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	99.269.007	
2	Chi hoạt động thường xuyên	30.899.765	
3	Chi không thường xuyên (gồm lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ sản...)	280.218.823	
I	**Năm 2020**	**445.686.836**	
1	Chi lương, các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	103.603.569	
2	Chi hoạt động thường xuyên	35.550.805	

3	Chi không thường xuyên (gồm lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ sản...)	306.532.962	
I	**6 tháng đầu năm 2021**	**324.974.296**	
1	Chi lương, các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	92.288.072	
2	Chi hoạt động thường xuyên	28.556.895	
3	Chi không thường xuyên (gồm lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ sản...)	204.129.329	
	Tổng cộng	**1.181.048.727**	

(đính kèm phụ biểu số 03 – chi tiết số liệu từng đơn vị)

c) Chênh lệch giữa kinh phí được giao và số phân bổ:

Số kinh phí chênh lệch giữa số được giao và số phân bổ cho đơn vị: 1,913 tỷ đồng (năm 2020: 0,389 tỷ đồng, năm 2021: 1,524 tỷ đồng), Sở Tài chính giữ lại ngân sách phần chênh lệch do Sở Tài chính thẩm định lại dự toán chi tiết.

3. Tình hình thực hiện dự toán

a) Kết quả thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện: 868,5 tỷ đồng

TT	Nội dung	Kết quả thực hiện (nghìn đồng)	Tỷ lệ thực hiện	Chênh lệch
I	**Năm 2019**	**352.770.894**	**85,96%**	**57.616.702**
1	Chi quản lý hành chính	15.747.988	98,43%	251.457
2	Chi sự nghiệp kinh tế	327.304.373	85,11%	57.284.315
3	Chi đảm bảo xã hội	9.402.617	99,15%	80.930
4	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	315.915	100%	0
II	**Năm 2020**	**428.074.735**	**96,05%**	**17.612.101**
1	Chi quản lý hành chính	14.769.637	98,73%	190.063
2	Chi sự nghiệp kinh tế	407.397.898	95,83%	17.344.844
3	Chi đảm bảo xã hội	5.397.094	98,63%	75.124
4	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	510.105	99,6%	2.070
III	**6 tháng đầu năm 2021**	**87.689.538**	**26,88%**	**237.046.663**
1	Chi quản lý hành chính	6.909.882	41,58%	9.709.299

2	Chi sự nghiệp kinh tế	78.326.763	11,63%	225.642.266
3	Chi đảm bảo xã hội	2.452.894	65,98%	1.264.488
4	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	430.610	0%	430.610
	Tổng cộng	**868.535.167**		**312.275.466**

(đính kèm phụ biểu số 04 – chi tiết từng đơn vị)

Nhìn chung, tỉ lệ giải ngân năm 2019 và năm 2020 không đạt tỉ lệ 100% và đặc biệt 06 tháng đầu năm 2021 đạt tỉ lệ thấp (26,88%) chủ yếu là kinh phí nguồn sự nghiệp kinh tế. Nguyên nhân do ảnh hưởng phức tạp của dịch bệnh Covid-19 kéo dài, thực hiện giản cách xã hội theo Chỉ thị số 15 và 16 của Chính phủ nên không triển khai thực hiện được các cuộc hội thảo nhân rộng mô hình, các mô hình trồng trọt, chăn nuôi, các lớp đào tạo, tập huấn, các gói thầu thuê tư vấn, thuê dịch vụ ngoài tỉnh không triển khai thực hiện được; 6 tháng đầu năm tập trung cho công tác lập hồ sơ như thẩm định giá, phê duyệt dự toán, phê duyệt mô hình, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu, đấu giá theo quy định; các công trình sử dụng từ nguồn Trung ương hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thuỷ lợi những tháng đầu năm giá cả vật tư như sắt thép, xi măng, cát, đá, xăng, dầu,.. liên tục tăng nên phải điều chỉnh dự toán đầu tư, sự biến động giá cả thị trường nên gặp không ít khó khăn trong quá trình lựa chọn nhà thầu cũng như đấu thầu thi công, đối với các công trình nạo vét cần phải thực hiện nhiều công tác liên quan theo quy định như: lập kế hoạch bảo vệ môi trường, phương án điều tiết an toàn giao thông,… rất mất nhiều thời gian và tăng chi phí.

b) Danh mục công trình nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư

Đối với danh mục công trình thuỷ lợi, nước sạch nông thôn sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư:

- Năm 2019: danh mục công trình 291 danh mục (bao gồm danh mục công trình năm trước chuyển sang), nguồn vốn được phân bổ: 188,304 tỷ đồng, đã quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC: 272 công trình, 19 công trình chưa quyết toán.

- Năm 2020: danh mục công trình 152 danh mục (bao gồm danh mục công trình năm trước chuyển sang), nguồn vốn được phân bổ: 190,410 tỷ đồng, đã quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC: 126 công trình, 26 công trình chưa quyết toán.

- Năm 2021: danh mục công trình 63 danh mục, nguồn vốn được phân bổ: 130,609 tỷ đồng, đang trong giai đoạn thi công.

(kèm phụ lục 01 - danh mục công trình của từng đơn vị)

4. Đánh giá tình hình thực hiện quản lý, sự dụng các nguồn vốn:

4.1 Đánh giá chung:

a) Năm 2019:

- Kinh phí được giao: 410,388 tỷ đồng

- Kinh phí phân bổ cho đơn vị: 410,388 tỷ đồng

- Kinh phí thực hiện 352,771 tỷ đồng (đạt 85,96% so với dự toán)

- Chênh lệch: 57,617 tỷ đồng

+ Chuyển số dư sang năm sau sử dụng: 51,193 tỷ đồng

+ Huỷ dự toán: 6,424 tỷ đồng

b) Năm 2020:

- Kinh phí được giao: 446,076 tỷ đồng

- Kinh phí phân bổ cho đơn vị: 445,687 tỷ đồng

- Kinh phí thực hiện: 428,075 tỷ đồng (đạt 96,05% so với dự toán)

- Chênh lệch: 17,612 tỷ đồng

+ Chuyển số dư sang năm sau sử dụng: 7,749 tỷ đồng

+ Huỷ dự toán: 9,863 tỷ đồng

b) Năm 2021:

- Tổng kinh phí được giao: 326,260 tỷ đồng

- Tổng kinh phí phân bổ cho đơn vị: 324,974 tỷ đồng

- Tổng kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm: 87,689 tỷ đồng (đạt 26,88% so với dự toán)

Trong quản lý, điều hành chi ngân sách, các đơn vị luôn bám sát dự toán được cấp có thẩm quyền giao, các kế hoạch, chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bám sát theo Nghị quyết của Chính phủ, Chương trình hành động của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thường xuyên ban hành các văn bản chỉ đạo và triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương và địa phương, đồng thời, chỉ đạo tại các cuộc họp báo tuần, tháng, quý và các các cuộc họp đột xuất để điều hành, quản lý chi ngân sách đảm bảo đúng dự toán giao, đúng chế độ quy định; giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch; hạn chế tối đa các khoản chi phát sinh phải bổ sung dự toán.

Chủ động tiết kiệm triệt để ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện, chỉ đạo giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; thực hiện kế hoạch sửa chữa, mua sắm tài sản, trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định; đẩy mạnh việc thực hiện sử dụng xe công đi công tác.

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các nguồn vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư, công tác chỉ đạo quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hiện nghiêm các ý kiến chỉ đạo của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân về việc tăng cường thực hiện dự toán chi ngân sách và đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn sự nghiệp kinh tế hàng năm.

Thực hiện việc tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết của Chính phủ về việc phối hợp, rà soát tiết kiệm 10% chi thường xuyên và cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, công tác phí trong và ngoài nước. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có công văn đề nghị các đơn vị trực thuộc rà soát cắt giảm kinh phí theo quy định, tổng số cắt giảm: 10,886 tỷ đồng, cụ thể:

- Số tiết kiệm cắt giảm 50% chi hội nghị, công tác phí trong và ngoài nước: 3,070 tỷ đồng (năm 2020: 1,528 tỷ đồng; năm 2021: 1,542 tỷ đồng).

- Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 7,816 tỷ đồng (năm 2020: 3,026 tỷ đồng, năm 2021: 4,790 tỷ đồng).

- Phối hợp với Sở Tài chính trong việc đánh giá tiến độ thực hiện dự toán, qua đó đề xuất cắt giảm đối với các nguồn dôi dư sau khi thực hiện xong nhiệm vụ và các nội dung, hạng mục dự kiến không thực hiện trong năm do tình hình dịch Covid-19 bùng phát kéo dài, thực hiện giản cách xã hội theo chỉ thị số 15 và 16 của Thủ tướng Chính phủ nên không triển khai thực hiện được các nhiệm vụ theo kế hoạch.

- Thời gian qua, việc triển khai giao quyền tự chủ tài chính cho các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp đã mang lại một số kết quả tích cực. Các đơn vị được giao tự chủ đã chủ động sử dụng nguồn kinh phí được giao thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả, chủ động xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định và khả năng thực hiện của đơn vị, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Năm 2019 và 2020, kinh phí tiết kiệm được: 29,073 tỷ đồng *(năm 2019 tiết kiệm: 13,399 tỷ đồng, tỷ lệ 10,29%, năm 2020 tiết kiệm: 15,673 tỷ đồng, tỷ lệ 11,26% so với dự toán)*, chi thu nhập tăng thêm cho công chức, viên chức và người lao động từ số tiết kiệm: 22,194 tỷ đồng, trích lập các quỹ theo quy định: 6,879 tỷ đồng. Kinh phí tiết kiệm được chủ yếu tiết kiệm từ quỹ lương và hoạt động từ số biên chế chưa tuyển đủ so với chỉ tiêu được giao.

4.2. Thuận lợi và khó khăn:

Được sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thẩm định và giao dự toán kịp thời cùng với sự lãnh đạo kỳ quyết Ban Giám đốc Sở, sự nỗ lực của lãnh đạo các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc, sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, đơn vị có liên quan, cùng toàn thể công chức, viên chức và người lao động toàn ngành góp phần quan trọng vào việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách hàng năm, hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao của ngành.

Trong quá trình chỉ đạo điều hành, Ban giám đốc Sở luôn bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh; đồng thời theo dõi chặt chẽ, đôn đốc việc thực hiện và giải ngân các nguồn vốn, tham mưu điều chỉnh kịp thời kế hoạch vốn nguồn Trung ương hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thuỷ lợi đối với các hạng mục công trình không thực hiện, chậm thực hiện sang các hạng có khả

năng giải ngân cao hơn để đẩy nhanh tiến độ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, bên cạnh kết quả đạt được, công tác quản lý, điều hành và sử dụng chi NSNN vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, kinh phí chi thường xuyên thực hiện các chương trình, kế hoạch, các nhiệm vụ như triển khai mô hình, hội thảo nhân rộng mô hình, các gói dịch vụ thuê tư vấn ngoài tỉnh, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, đào tạo nghề theo kế hoạch chưa triển khai thực hiện được.

- Giải ngân các nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư đạt thấp so với bình quân, những tháng đầu năm các chủ đầu tư chủ yếu tập trung cho thực hiện hồ sơ, thủ tục phê duyệt theo quy định. Trong những tháng đầu năm, giá cả vật tư như sắt thép, xi măng, cát, đá, xăng, dầu,.. liên tục tăng nên phải điều chỉnh dự toán đầu tư, sự biến động giá cả thị trường nên gặp không ít khó khăn trong quá trình lựa chọn nhà thầu cũng như đấu thầu thi công. Đối với các công trình nạo vét cần phải thực hiện nhiều công tác liên quan theo quy định như: lập kế hoạch bảo vệ môi trường, phương án điều tiết an toàn giao thông,… rất mất nhiều thời gian và tăng chi phí.

- Tiến độ giải ngân tại một số đơn vị còn chậm, nhất là đối với kinh phí mua sắm, sửa chữa tập trung, các nguồn không thường xuyên, các chương trình, dự án (có những nguồn 6 tháng đầu năm chưa giải ngân được do phải thực hiện các quy trình, thủ tục phê duyệt)

- Một số nguồn kinh phí đơn vị lập dự toán chưa sát với tình hình thực tế, nhiệm vụ khi thực hiện phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan đơn vị có liên quan, nhiệm vụ mới thực hiện lần đầu nên chưa xác định được khối lượng công việc cần thực hiện dẫn đến lập dự toán cao hơn số thực hiện nhiều dẫn đến dôi dư dự toán, phải điều chỉnh nhiều lần.

- Dự toán bị huỷ hàng năm tương đối lớn: năm 2019 huỷ dự toán: 6.411.131 nghìn đồng; năm 2020: 9.940.552 nghìn đồng, nguyên nhân do dôi dư sau thực hiện xong nhiệm vụ của nhiều đơn vị cộng lại, ngoài ra do Thủ trưởng một số đơn vị chưa chủ động, thiếu quyết liệt trong công tác tham mưu, đề xuất cắt giảm dự toán những nhiệm vụ không triển khai thực hiện kịp trong năm.

II. Công tác triển khai và thực hiện mua sắm và sửa chữa tài sản

1. Công tác triển khai

Tổng kinh phí mua sắm và sửa chữa tài sản được phân bổ sử dụng từ năm 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 của ngành là 27,180 tỷ đồng, số giải ngân so với dự toán là 22,161 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân so với dự toán là 81,53%. Số còn lại của năm 2019, 2020 là do dôi dư từ đấu thầu mua sắm tập trung của tỉnh và mua sắm trực tiếp có một số tài sản giảm giá so với dự toán được phân bổ. Riêng kinh phí còn lại của năm 2021, các đơn vị tiếp tục thực hiên cho đến ngày 31/12/2021. Trong đó:

- Năm 2019: Tổng kinh phí được phân bổ sử dụng là 10,347 tỷ đồng, cho các đơn vị thuộc và trực thuộc trực tiếp thực hiện *(chi tiết phụ lục 2 kèm theo),* số giải ngân so với dự toán là 9,602 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân so với dự toán là 92,79%.

- Năm 2020: Tổng kinh phí được phân bổ sử dụng là 9,218 tỷ đồng, kể cả ngân sách bổ sung cho các đơn vị thuộc và trực thuộc trực tiếp thực hiện *(chi tiết phụ lục 2 kèm theo),* số giải ngân so với dự toán là 8,500 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân so với dự toán là 92,21%.

- 6 tháng đầu năm 2021: Tổng kinh phí được phân bổ sử dụng là 7,615 tỷ đồng cho các đơn vị thuộc và trực thuộc trực tiếp thực hiện *(chi tiết phụ lục 2 kèm theo),* số giải ngân so với dự toán là 4,059 tỷ đồng (đến thời điểm báo cáo ngày 20/9/2021), tỷ lệ giải ngân so với dự toán là 53,3%. Số còn lại các đơn vị tiếp tục thực hiên cho đến ngày 31/12/2021.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị

- Thực hiện các quy định mua sắm tài sản công như: Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành chi tiết về thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Cà Mau; Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quy định về thẩm quyền phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ sử dụng nguồn vốn Nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Quy định về mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Công văn số 7324/UBND-KT ngày 21/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường thực hiện công tác mua sắm tài sản theo phương thức tập trung.

- Căn cứ vào các văn bản nêu trên, đơn vị tiến hành trình tự mua sắm tài sản trên cơ sở hạng mục và dự toán mua sắm đã được phân bổ hàng năm như: thuê thẩm định giá, trình thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu đối với gói đầu được phê duyệt theo hình thức chào hàng cạnh tranh hoặc tự thực hiện mời nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu; khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, đơn vị tiến hành ký hợp đồng mua sắm tài sản, đưa vào sử dụng đúng mục đích và trình phê duyệt quyết toán gói thầu theo quy định. Riêng đối với mua sắm tài sản theo phương thức tập trung, đơn vị thực hiện các bước như: thuê thẩm định giá, trình thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, khi nhận được thông báo thỏa thuận khung từ Trung tâm Dịch vụ tài chính công, đơn vị tiến hành ký hợp đồng mua sắm tài sản, đưa vào sử dụng đúng mục đích và trình phê duyệt quyết toán gói thầu theo quy định.

3. Kết quả thực hiện mua sắm tài sản công và tài sản theo phương thức tập trung trong thời gian qua

- Năm 2019: Máy vi tính để bàn 71 bộ; máy photocopy 07 cái; máy tính sách tay 01 cái.

- Năm 2020: Máy vi tính để bàn 73 bộ (trong đó, ký Hợp đồng hình thức thỏa thuận khung mua sắm tập trung của tỉnh 05 bộ bổ sung cho Văn Phòng Thanh tra kiểm soát nghề cá (IUU) từ nguồn ngân sách tỉnh năm 2020), máy photocopy 06 cái ký Hợp đồng hình thức thỏa thuận khung mua sắm tập trung của tỉnh 01 cái bổ sung cho Văn Phòng Thanh tra kiểm soát nghề cá (IUU) từ nguồn ngân sách tỉnh năm 2020, máy tính sách tay 03 cái.

- Năm 2021: Các đơn vị đang thực hiện mua sắm tập trung năm 2021 theo Thỏa thuận khung của Trung tâm Dịch vụ Tài chính công. Máy vi tính sách tay 08 cái; máy Photocopy 04 cái, Máy vi tính để bàn 56 bộ.

4. Nhận xét, đánh giá

Nhìn chung, các nguồn kinh phí mua sắm, sửa chữa tập trung qua các năm 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 được UBND tỉnh và Sở Tài chính phân bổ đảm bảo, kịp thời, đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị. Đặc biệt, thông qua hình thức mua sắm tập trung giảm bớt một phần cho đơn vị trong việc thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu, số lượng mua sắm tập trung lớn, giá mua sắm tài sản giảm, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước, đảm bảo công khai, minh bạch, hàng hoá được trang bị đồng bộ, giá mua sắm thống nhất trong cùng đơn vị và trên cùng địa bàn.Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, trong quá trình thực hiện việc mua sắm tập trung vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Mặc dù các đơn vị không trực tiếp thực hiện các quy trình mời nhà cung cấp tài sản nhưng vẫn phải lập trình phê duyệt dự toán, trình phê duyệt quyết toán, vẫn phát sinh chi phí lập dự toán và chi phí quyết toán nhưng khi lập dự toán thì đơn vị không được phê duyệt loại chi phí này và đơn vị phải thanh toán từ nguồn kinh phí tự chủ của đơn vị.

- Đa phần các đơn vị trúng thầu cung cấp dịch vụ ở ngoài tỉnh nên việc bảo hành không kịp thời như tài sản bị lỗi, đơn vị sử dụng yêu cầu nhà cung cấp kiểm tra, bảo hành thì nhà cung cấp yêu cầu đơn vị gửi thiết bị đến nhà cung cấp kiểm tra, không đến kiểm tra tài sản trực tiếp tại đơn vị sử dụng. Việc này gây khó khăn trong quá trình xử lý công việc tại đơn vị sử dụng.

- Quy trình thực hiện, kết quả lựa chọn nhà thầu qua hình thức mua sắm tập trung thời gian qua còn chậm, vào quý 3 của năm đơn vị mới nhận được thông báo về việc ký hợp đồng mua sắm tài sản.

III. Đánh giá việc lập dự toán, quy trình lập hồ sơ dự án, hạng mục có sử dụng nguồn vốn sự nghiệp, công tác thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư; trách nhiệm và kiểm tra, giám sát, sử dụng nguồn vốn; đánh giá

tính kinh tế, hiệu quả trong việc bố trí và sử dụng nguồn vốn thực hiện các công trình có tính chất đầu tư

1. Đánh giá việc lập dự toán, quy trình lập hồ sơ dự án, hạng mục có sử dụng nguồn vốn sự nghiệp, công tác thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư

- Dự toán mua sắm hàng năm sử dụng nguồn vốn sự nghiệp do các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức lập, thực hiện theo quy định trên cơ sở báo giá của các đơn vị cung cấp sản phẩm hoặc đơn vị tự thuê tư vấn thẩm định giá để lập dự toán.

- Công tác thẩm định, phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu, Thông tư hướng số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính, Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 23/11/2018, Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh.

- Thời gian qua, việc lập dự toán các hạng mục có sử dung vốn sự nghiệp phần lớn đã đi vào khuôn khổ, các đơn vị được giao thực hiện đã nắm bắt được quy trình lập hồ sơ dự án, hạng mục để triển khai thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, đối với các công trình, dự án có tính chất đầu tư thì thường có quy mô nhỏ nhưng quy trình lập hồ sơ giống như một dự án đầu tư với trình tự, thủ tục tương đối phức tạp (từ khi có chủ trương đầu tư đến khi lựa chọn được đơn vị thi công phải thực hiện trên 16 thủ tục). Từ đó công tác thẩm định, phê duyệt phải qua nhiều khâu nên mất nhiều thời gian làm chậm tiến độ thực hiện.

2. Trách nhiệm và kiểm tra, giám sát, sử dụng nguồn vốn

Đối với việc sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư, Ban Giám đốc Sở luôn xem đây là công việc được quan tâm đặc biệt và được kiểm tra, giám sát chặt chẽ xuyên suốt. Hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng và năm, các đơn vị được giao thực hiện đều phải cập nhật, báo cáo định kỳ, nếu có phát sinh vướng mắc thì đều được xem xét, xử lý ngay.

Ngoài ra, hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, xét duyệt quyết toán theo quy định tại Thông tư số 137/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm đối với các công trình tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng. Đối với các công trình trên 500 triệu đồng, các đơn vị thực hiện quyết toán với Sở Tài chính theo Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính.

3. Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả trong việc bố trí và sử dụng nguồn vốn thực hiện các công trình có tính chất đầu tư:

Việc bố trí và sử dụng nguồn vốn thực hiện các công trình có tính chất đầu tư thời gian trước đây chủ yếu là tập trung cho công tác nạo vét kênh, mương và duy tu, sửa các công trình cống, mục tiêu đạt được là tạo thông thoáng dòng chảy phục vụ tốt cho sản xuất. Thời gian gần đây (từ năm 2019 đến nay), Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh cho sử dụng nguồn vốn này tập trung vào đầu tư nâng cấp các tuyến bờ bao ven sông rạch, kênh mương với mục đích vừa kết hợp lấy đất nạo vét đắp bờ bao, vừa cứng hóa mặt bờ bao để kết hợp với giao thông nông

thôn. Việc này đã đem lại hiệu quả rất cao, được các địa phương hưởng ứng, vì vừa tạo thống thoáng dòng chảy, vừa ngăn mặn, chống tràn và vừa phát triển mạng lưới giao thông nông thôn.

Hàng năm, việc đầu tư các công trình nước sạch nông thôn chủ yếu là sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh bố trí cho lĩnh vực này rất ít (chỉ có năm 2020 bố trí nguồn xổ số kiến thiết 18.212 triệu đồng, năm 2019 và 2021 không bố trí).

3.1. Nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi

Việc triển khai thực hiện chính sách Trung ương hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ich thủy lợi thời gian qua đã làm thay đổi diện mạo rõ rệt đối với hệ thống công trình thủy lợi; Các tiểu vùng đã được đầu tư ngày càng phát huy hiệu quả góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống thủy lợi, đáp ứng kịp thời yêu cầu phục vụ sản xuất; các công trình duy tu sửa chữa hệ thống bờ bao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới theo qui hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương; hệ thống kênh mương được nạo vét theo định kỳ góp phần nâng cao năng lực, mở rộng diện tích tưới tiêu, tăng năng suất cây trồng vật nuôi trên địa bàn toàn tỉnh.

3.2. Nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn

Việc đầu tư các công trình từ nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn đã khắc phục đáng kể tình trạng cấp bách về hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh, giảm thiểu tối đa thiệt hại trong sản xuất của người dân vùng hạn hán; đồng thời, giai đoạn 2019 đến 6 tháng đầu năm 2021 đã đầu tư mở rộng 120km mạng đường ống cấp nước, cung cấp nước sạch bền vững cho 3.500 hộ gia đình nông thôn, góp phần khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, đảm bảo an sinh xã hội.

3.3. Nguồn kinh phí hộ đê, duy tu bão dưỡng đê

Việc sử dụng nguồn kinh phí hộ đê, kinh phí duy tu, bảo dưỡng hệ thống đê điều mang lại hiệu quả rất thiết thực, kịp thời xử lý giờ đầu những sự cố của hệ thống đê biển Tây, góp phần bảo vệ sự ổn định của đê biển, qua đó bảo vệ tính mạng, tài sản, an toàn sản xuất của người dân và cơ sở hạ tầng phía bên trong đê; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân vùng ven biển vận chuyển thủy hải sản để giao thương hàng hóa, phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là những cụm kinh tế mũi nhọn của tỉnh như: cửa Sông Ông Đốc, cửa biển Đá Bạc, cửa biển Khánh Hội...

IV. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND

Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh áp dụng cho giai đoạn 2017-2020 là căn cứ quan trọng để xây dựng dự toán chi thường xuyên hàng năm của các đơn vị thụ hưởng ngân sách. Việc xây dựng định mức riêng

theo từng loại hình hình sự nghiệp là phù hợp, đáp ứng tương đối đầy đủ các nhiệm vụ chi và đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị

Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2017 và thời kỳ đầu ổn định ngân sách giai đoạn 2017 – 2020, Nghị quyết đã cụ thể hoá các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư của các Bộ ban ngành để áp dụng tại địa phương một cách phù hợp, hiệu quả nhất, là căn cứ để các đơn vị hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng dự toán và phân bổ dự toán cho các đơn vị thụ hưởng ngân sách thuận lợi nhất. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên thể hiện tính công bằng, hợp lý và công khai, minh bạch trong phân bổ dự toán, đồng thời để đơn vị thụ hưởng ngân sách chủ động trong xây dựng dự toán và quyết định ngân sách của đơn vị, tạo điều kiện cho đơn vị tăng cường công tác quản lý chi ngân sách theo hướng tích cực, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2017-2020.

Phương pháp phân bổ dự toán chi thường xuyên theo loại hình đơn vị (cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp) theo quy mô biên chế là phù hợp, khoa học và công bằng, dễ tính toán. Làm cơ sở cho đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, có kế hoạch sử dụng kinh phí phù hợp, khuyến khích thực hiện tiết kiệm chi để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, người lao động.

Bên cạnh những kết quả đạt được, các đơn vị dự toán có phản ánh một số khó khăn, chủ yếu về định mức phân bổ chi thường xuyên còn thấp, chưa điều chỉnh kịp thời để phù hợp với thay đổi tình hình kinh tế - xã hội chung, như:

- Định mức phân bổ đảm bảo tiền lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao chưa điều chỉnh tăng tương ứng với tình hình thực tế: Chế độ nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn.

- Định mức phân bổ chi hoạt động còn thấp, do định mức chi thường xuyên giữ ổn định cả giai đoạn 2017-2020 không được điều chỉnh tăng, trong khi đó từ năm 2017 đến nay chỉ số giá tiêu dùng tăng theo từng năm, chế độ công tác phí, hội nghị, chế độ chi tiếp khách đã được điều chỉnh tăng theo Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017.

V. Các biện pháp điều hành quản lý chi NSNN trong thời gian tới:

Ước thực hiện chi ngân sách nhà nước cả năm 2021: 324.736.200 nghìn đồng, đạt 99,3% dự toán được giao (số thực hiện 6 tháng đầu năm 2021: 87.689.538 nghìn đồng), như vậy nhiệm vụ chi còn lại những tháng cuối năm rất lớn (237.046.662 nghìn đồng). Do đó, trong quản lý, điều hành chi ngân sách những tháng cuối năm cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng sau đây:

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành của Uỷ ban nhân dân tỉnh, tổ chức điều hành chi NSNN những tháng còn lại năm 2021 theo dự toán, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Quyết liệt thực hiện các giải pháp đẩy mạnh giải ngân, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả

giải ngân; kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn của các hạng mục có tỷ lệ giải ngân thấp sang thực hiện các hạng mục công trình có khả năng giải ngân tốt hơn, hạn chế tình trạng chuyển nguồn, huỷ dự toán. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn kinh phí mua sắm, sửa chữa, các dự án, đề án, chương trình, kế hoạch,… đảm bảo giải ngân hết nguồn vốn đã được bố trí trong năm.

- Thực hiện rà soát, đề xuất cắt giảm dự toán chi ngân sách nhà nước đã giao cho các đơn vị nhưng đến ngày 30/9/2021 chưa thực hiện hoặc dự kiến không thực hiện hết so với dự toán theo tinh thần chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân tỉnh tại Công văn 4806/UBND-KGVX ngày 25/8/2021.

- Tổ chức thực hiệm nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo; tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra, giám sát trong công tác quản lý, sử dụng tất cả các nguồn vốn, nhất là nguồn vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư

- Kịp thời tháo gỡ những rào cản, khó khăn, vướng mắc để đẩy mạnh tiến độ thực hiện giải ngân các nguồn vốn

VI. Đề xuất, kiến nghị

1. Kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, nâng định mức chi quản lý hành chính (gồm định mức phân bổ chi hoạt động của cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp) có tính đến các yếu tố tăng trưởng trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tế của địa phương theo từng năm trong thời kỳ ổn định mới.

2. Kiến nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ tài chính, kế toán, quản lý sử dụng tài sản công cho chủ tài khoản, cán bộ làm công tác tài chính kế toán, quản lý tài sản, qua đó để đơn vị trao đổi kinh nghiệm, hỏi đáp những thắc mắc phát sinh thực tế tại đơn vị để giúp đơn vị quản lý, điều hành ngân sách và quản lý sử dụng tài sản tốt hơn.

3. Đề xuất Sở Tài chính (Trung tâm Dịch vụ Tài chính công) nghiên cứu, xem xét bổ sung vào hồ sơ mời thầu điều khoản ràng buộc trách nhiệm của các nhà cung cấp ngoàn tỉnh nhằm đảm bảo tính kịp thời trong việc phối hợp với các đơn vị sử dụng bảo hành, bão dưỡng tài sản đã cung cấp.

4. Đề xuất Sở Tài chính (Trung tâm Dịch vụ Tài chính công) giao cho các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản chỉ lập danh sách trên cơ sở danh mục mua sắm được phê duyệt gửi về Trung tâm dịch vụ tài chính công, Trung tâm dịch vụ tài chính công trực tiếp trực hiện các bước tiếp theo của quy trình mua sắm. Khi việc mua sắm hoàn thành Trung tâm dịch vụ tài chính công thông báo cho đơn vị chuẩn bị tiếp nhận tài sản đưa vào sử dụng. Việc này sẽ giảm bớt thủ tục mua sắm tại đơn vị, Trung tâm dịch vụ tài chính rút ngắn thời gian đẩy nhanh tiến độ mua sắm.

5. Kiến nghị HĐND tỉnh giao cho Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, phân rõ nguồn vốn giao hàng năm, nguồn vốn nào thực hiện theo Luật Đầu tư công, nguồn vốn nào thực hiện theo Luật Ngân sách. Vì ứng với từng luật thì có quy trình lập hồ sơ và trình tự thủ tục khác nhau, trong khi các đơn vị rất khó nhận diện được vấn đề này để triển khai thực hiện.

6. Kiến nghị HĐND tỉnh xem xét bố trí nguồn kinh phí đầu tư hàng năm cho lĩnh vực nước sạch nông thôn, nhằm nâng tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch bền vững góp phần đảm bảo an sinh xã hội, chủ động trong tình hình biến đổi khí hậu.

Trên đây là báo công tác giám sát điều hành ngân sách địa phương; quản lý, sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp; việc mua sắm tài sản phục vụ cho hoạt động của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập từ năm 2019, 2020 và 6 tháng năm 2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo đến Hội đồng nhân dân tỉnh năm, tổng hợp./.

(Gửi kèm phụ lục 01, 02, 03, 04 chi tiết theo nguồn, theo năm của từng đơn vị)

Nơi nhận:
- HĐND tỉnh (iO);
- UBND tỉnh iO);
- Sở Tài chính (iO);
- Ban Giám đốc Sở (iO);
- Các đơn vị trực thuộc (iO) ;
- LĐ P. QLXDCT, TCHC, KHTC (iO);
- Lưu VT, KHTC (T).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH CÀ MAU

Lê Thanh Triều